

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 30/7/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công thương; Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Website VPUBND tỉnh;
- Lưu VT, KSTTH.

CHỦ TỊCH


Đoàn Văn Việt

Đoàn Văn Việt

**DANH MỤC THỰC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP					
01	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Phí thẩm định điều kiện hoạt động để cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010. - Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.
02	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010. - Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
03	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Miễn lệ phí đối với trường hợp cấp lại Giấy phép bị mất hoặc bị hư hỏng Cấp lại đối với trường hợp giấy phép hết hiệu lực: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010. - Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.
04	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm và cấp lại khi hết hiệu lực trước 30 ngày.	22 (hai mươi hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm (trừ cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe): 3.000.000 đồng/lần/cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010. - Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ. - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 279/2016/TT-BCT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
05	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm	10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm (trừ cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe): 3.000.000 đồng/lần/cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010. - Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ. - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công thương. - Thông tư số 279/2016/TT-BCT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
II	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI				
01	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	<p>Tại địa bàn các thành phố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với doanh nghiệp, tổ chức: 1.200.000 đồng - Đối với hộ cá thể: 400.000 đồng <p>Tại địa bàn các huyện khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với doanh nghiệp, tổ chức: 600.000 đồng - Đối với hộ cá thể: 200.000 đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại số 35/2005/QH11 ngày 14/6/2005. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.
02	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại số 35/2005/QH11 ngày 14/6/2005. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.
03	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu trong trường hợp bị mất hoặc bị hỏng	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại số 35/2005/QH11 ngày 14/6/2005. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.
04	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thành phố	10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	<p>Tại địa bàn các thành phố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với doanh nghiệp, tổ chức: 1.200.000 đồng - Đối với hộ cá thể: 400.000 đồng <p>Tại địa bàn các huyện khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với doanh nghiệp, tổ chức: 600.000 đồng - Đối với hộ cá thể: 200.000 đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại số 35/2005/QH11 ngày 14/6/2005. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
05	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thành phố	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại số 35/2005/QH11 ngày 14/6/2005. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.
06	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thành phố	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	<p>* Không thu lệ phí trong trường hợp cấp lại giấy phép bị mất hoặc bị hỏng.</p> <p>* Trường hợp cấp lại khi giấy phép hết hiệu lực:</p> <p>Tại địa bàn các thành phố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với doanh nghiệp, tổ chức: 1.200.000 đồng - Đối với hộ cá thể: 400.000đồng <p>Tại địa bàn các huyện khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với doanh nghiệp, tổ chức: 600.000 đồng - Đối với hộ cá thể: 200.000 đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại số 35/2005/QH11 ngày 14/6/2005. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính..

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
07	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Kinh tế thành phố/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng các huyện	Tại địa bàn các thành phố: - Đối với doanh nghiệp, tổ chức: 1.200.000 đồng - Đối với hộ cá thể: 400.000 đồng Tại địa bàn các huyện khác: - Đối với doanh nghiệp, tổ chức: 600.000 đồng - Đối với hộ cá thể: 200.000 đồng	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công thương. - Nghị định số 106/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.
08	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Kinh tế thành phố/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng các huyện	Không	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công thương. - Nghị định số 106/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.
09	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Kinh tế thành phố/ Phòng Kinh tế,	* Không thu lệ phí đối với trường hợp cấp lại do giấy phép bán lẻ sản phẩm	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Hạ tầng các huyện	<p>thuộc lá cũ bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.</p> <p>* Cấp lại đối với trường hợp giấy phép hết hiệu lực:</p> <p>Tại địa bàn các thành phố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với doanh nghiệp, tổ chức: 1.200.000 đồng - Đối với hộ cá thể: 400.000 đồng <p>Tại địa bàn các huyện khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với doanh nghiệp, tổ chức: 600.000 đồng - Đối với hộ cá thể: 200.000 đồng 	<p>27/6/2013 của Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công thương. - Nghị định số 106/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Ghi chú: Căn cứ pháp lý của các thủ tục hành chính

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010.
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu.
- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.
- Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương.
- Thông tư số 279/2016/TT-BCT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương.
- Luật Thương mại số 35/2005/QH11 ngày 14/6/2005.
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Nghị định số 106/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.